

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Q
TỈNH HÀ GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 05/2020/HNGĐ-ST

Ngày 25/9/2020

" Về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Q – TỈNH HÀ GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

+ *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa* : Ông Cao Danh Nhân

+ *Các Hội thẩm nhân dân* : Bà Hầu Thị Ngọc và ông Vũ Văn Học

Thư ký phiên tòa: ông Vũ Hữu Toàn – Thư ký tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Hà Giang

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: ông Hồ Lý Xuân- Kiểm sát viên.

Hồi 8 giờ 00'gày 25 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Q xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2020/TLST- HNGĐ, ngày 11 tháng 02 năm 2020 về việc ly hôn, tranh chấp người nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2020/QĐXX-ST ngày 25 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Dương Thị X; SN: 1993;

Địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện Q, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

Bị đơn: Anh Đinh Chí T; SN:1987.

Địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện Q, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cùng các tài liệu khác trong hồ sơ vụ án và nội dung trình bày tại phiên tòa hôm nay. Chị Dương Thị X là nguyên đơn trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đinh Chí T quen nhau từ năm 2014, lúc đó chị đang học tại Trường cao đẳng sư phạm Hà Giang còn anh T quê ở Tuyên Quang đang làm thuê tại Hà Giang nên quen nhau và tìm hiểu, sau đó được hai gia đình tổ chức lễ cưới và được UBND xã A, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang đăng ký kết hôn theo qui định. Sau khi cưới chị và anh T sinh sống cùng với gia đình chồng tại Tuyên Quang được khoảng 1 năm thì chuyển về quê chị ở thôn L, xã T, huyện Q sinh sống, anh T cũng chuyển khẩu từ Tuyên Quang về quê chị sinh sống, làm ăn. Hàng ngày anh có làm nghề cơ khí, chị có thời gian dạy học đồng tại Trường mầm non trong huyện. Sau thời gian chung sống tại Q thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, anh T không tu chí làm ăn, có chơi cờ bạc phải vay nặng lãi chị phải trả nợ nhiều lần, khi làm được tiền anh cũng chơi bời, chi tiêu cá nhân hết, không có trách nhiệm với gia đình, có thời gian vợ chồng thuê chỗ ở tại thị trấn T, huyện Q thì anh T có biểu hiện đối xử không tốt, coi thường với người thân gia đình chị, không hòa đồng với phong tục, tập quán với người đồng bào dân tộc quê chị. Đến năm 2018 anh và chị gửi con cho ông bà nội chăm sóc để đi làm thuê tạo dựng kinh tế gia đình nhưng anh T vẫn không thay đổi được cách sống, không có trách nhiệm với

gia đình. Vào năm 2019 khi chị đi vắng anh ở nhà đã tự chuyển chỗ trọ vợ chồng đang ở, bán hết tài sản, đồ dùng sinh hoạt làm ảnh hưởng đến cuộc sống của chị và từ đó vợ chồng không ở cùng nhau, đã sống ly thân. Khi đó chị có đề nghị ly hôn tại TAND huyện Q, anh cũng nhất trí và khi tòa án thụ lý giải quyết đến nay anh không đến tòa, có gửi ý kiến đề nghị hòa giải đoàn tụ nhưng khi Tòa án triệu tập vợ chồng để công khai chứng cứ và hòa giải thì anh vắng mặt không lý do. Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn đã sống ly thân và thực sự không còn quan tâm đến nhau, do vậy chị giữ nguyên quan điểm đề nghị ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Đinh Di K; SN: 06/3/2015, khi ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu cấp dưỡng. Về tài sản chung: Không có. Về công nợ chung: Trước đây chị đã phải trả nhiều số nợ cho anh T, đến nay còn nợ nhưng chị xác định tự trả, không đề nghị tòa án giải quyết

Tại phiên tòa hôm nay chị thấy mâu thuẫn đã kéo dài, không thể hàn gắn được, chị giữ nguyên quan điểm của mình đề nghị được ly hôn.

Tại phiên tòa hôm nay anh Đinh Chí T vắng mặt (lần 2) không lý do. Trong quá trình giải quyết anh trình bày ý kiến đề nghị tòa án hòa giải đoàn tụ, nhưng khi tòa án yêu cầu hòa giải anh đều vắng mặt không lý do.

Trong quá trình giải quyết vụ án, tòa án đã triệu tập các bên đương sự để công khai chứng cứ và hoà giải nhưng anh Đinh Chí T đều vắng mặt, do vậy tòa án không tiến hành công khai chứng cứ và hoà giải được.

Tại phiên tòa, anh T vắng mặt lần 2 không lý do, chị X đề nghị giải quyết theo pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q có ý kiến về thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử vụ án: Tòa án đã thụ lý đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật đang tranh chấp, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, thư ký phiên tòa và đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Về yêu cầu khởi kiện: Xét thấy chị X và anh T có đăng ký kết hôn theo qui định. sau thời gian chung sống anh T và chị có mâu thuẫn trầm trọng, hiện nay đã sống ly thân, do vậy có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn được ly hôn với bị đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điều 26 Nghị quyết 326/2016 của Quốc Hội. Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81,82,83 Luật Hôn nhân và Gia đình, để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và giao con chung cho chị X nuôi dưỡng, về án phí nguyên đơn phải chịu theo qui định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: chị Dương Thị X khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Đinh Chí T đều có nơi cư trú tại huyện Q. TAND huyện Q thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền qui định. Tại phiên tòa hôm nay anh T vắng mặt lần 2 không lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân giữa chị Dương Thị X và anh Đinh Chí T là hợp pháp, có đăng ký kết hôn vào ngày 07 tháng 02 năm 2015 tại UBND xã A, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang trên cơ sở tự nguyện và đủ các điều kiện kết hôn theo qui định của pháp luật. Sau khi kết hôn vợ chồng có thời gian 1 năm sinh sống tại gia đình chồng sau đó chuyển chỗ ở đến đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn L, xã T, huyện Q để sinh sống từ tháng 01 năm 2016 cho đến nay, sau đó vợ chồng có đi làm thuê nhưng không chuyển hộ khẩu thường trú. Về nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng về mọi mặt, anh T không làm tròn nghĩa vụ, bỏn phận với gia đình, không quan tâm chăm sóc, giúp đỡ nhau, không cùng nhau chia sẻ công việc gia đình, không sống cùng nhau làm ảnh hưởng trầm trọng đến hạnh phúc gia đình. Hiện tại gia đình anh T cũng thừa nhận có mâu thuẫn dẫn đến không ở cùng nhau. Các chứng cứ, tài liệu thu thập được tại nơi cư trú đều xác nhận vợ chồng đã có mâu thuẫn trầm trọng, kéo dài, đã sống ly thân. Đến thời điểm này mục đích hôn nhân không đạt, do vậy có đủ căn cứ để giải quyết cho chị Dương Thị X được ly hôn anh Đinh Chí T theo Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu: Đinh Di K; SN: 06/3/2015. Do anh T không đến tòa án chứng minh điều kiện và nguyện vọng nuôi con của mình nên cần giao con chung cho chị X nuôi dưỡng là phù hợp với qui định, về cấp dưỡng nuôi con chị X không yêu cầu nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung, công nợ chung : Chị X không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

[5] Về án phí: Chị Dương Thị X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Dương Thị X đối với bị đơn Đinh Chí T về việc” Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

- Về hôn nhân: Chị Dương Thị X được ly hôn với anh Đinh Chí T.

- Về người nuôi con: Giao cháu Đinh Di K; SN: 06/3/2015 cho chị X là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu đủ tuổi thành niên hoặc đến khi có quyết định khác của Tòa án, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm non con, không ai được cản trở, vì quyền lợi của con chung một trong hai bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo qui định của luật Hôn nhân và gia đình .

- Về án phí : Chị Dương Thị X phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm ly hôn được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Q theo biên lai số 05137, ngày 11 tháng 02 năm 2020. Xác nhận chị X đã nộp đủ.

Căn cứ Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh HG;
- VKSND huyện QB;
- THADS huyện QB;
- UBND phường A;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Cao Danh Nhân